

KINH TẾ HỌC VI MÔ DÀNH CHO CHÍNH SÁCH CÔNG



Bài giảng 1: Nhập môn

Kinh tế học vi mô và chính sách công

Nhóm giảng viên và giờ trực văn phòng



	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Đặng Văn Thanh	14:00-15:30		14:00-15:30		
Lê Thái Hà	13:30-15:30	13:30-15:30	13:30-15:30	13:30-15:30	
Bùi Mạnh Tiến		14:00-15:30		14:00-15:30	

Nội dung của môn học: 7 phần



- ☞ Phần 1 – “Nhập môn”
- ☞ Phần 2 – “Sự vận hành của thị trường”
- ☞ Phần 3 – “Lý thuyết về người tiêu dùng”
- ☞ Phần 4 – “Lý thuyết về nhà sản xuất”
- ☞ Phần 5 – “Thị trường các nhân tố sản xuất”
- ☞ Phần 6 – “Thị trường cạnh tranh, hiệu quả và công bằng”
- ☞ Phần 7 – “Giới thiệu về thất bại thị trường và vai trò của nhà nước”

Mục tiêu của môn học



- ☞ Học viên có thể áp dụng được các khái niệm, nguyên lý, và công cụ của kinh tế học vi mô để:
 - ☞ **Hiểu bản chất** của nhiều vấn đề kinh tế được đề cập trên các phương tiện thông tin đại chúng;
 - ☞ Thực hiện một số **phân tích và đánh giá** chính sách công;
 - ☞ **Áp dụng** kiến thức nền tảng của kinh tế học vi mô cho các môn học chuyên ngành sau này.

Phương pháp giảng dạy



- ☞ Tập trung vào một số khái niệm, nguyên lý và công cụ cơ bản của kinh tế học vi mô
- ☞ Dành nhiều thời gian thảo luận, đặc biệt là thông qua các bài nghiên cứu tình huống
- ☞ Khuyến khích việc tự đọc, tự học, và tự nghiên cứu của học viên
- ☞ Ứng dụng vào các tình huống chính sách của Việt Nam và các nước có liên quan

Giáo trình



- ∞ **Pindyck và Rubinfeld [PR]**, “Kinh tế học vi mô”, Nxb Prentice-Hall, tái bản lần thứ 8, 20013.
- ∞ **N. Gregory Mankiw [GM]**, Nguyên lý kinh tế học, Nxb South-Western, tái bản lần thứ 6, 2014.
- ∞ **Steinemann, Apgar, và Brown [SAB]**, “Kinh tế học vi mô dành cho quyết định công”, Nxb South-Western, 2005.

Cấu trúc điểm



Thành phần và trọng số điểm như sau:

Tham gia trên lớp: 10%

Nghiên cứu tình huống: 20%

Bài tập: 15%

Thi giữa kỳ: 25%

Thi cuối kỳ: 30%



Bài 1

Giới thiệu Kinh tế học vi mô dành cho Chính sách công

Kinh tế học là gì?



- ☞ **Xuất phát điểm của kinh tế học:** Quy luật có tính phổ quát về sự khan hiếm
- ☞ **Quy luật khan hiếm (scarcity):** Mâu thuẫn giữa nhu cầu và ước vọng vô hạn với khả năng và nguồn lực hữu hạn của mỗi cá nhân, hộ gia đình, công ty, quốc gia v.v.
- ☞ **Hệ quả của quy luật khan hiếm:** Phải lựa chọn
 - ☞ Nhu cầu / ước vọng (needs/desires)
 - ☞ Phân bổ khả năng / nguồn lực (resource allocation)
- ☞ **Hai khía cạnh của sự lựa chọn:** Mục tiêu và điều kiện ràng buộc

Kinh tế học là gì?



- ∞ **Kinh tế học là một môn khoa học xã hội** nghiên cứu sự lựa chọn của các cá nhân, tổ chức, và xã hội trong việc phân bổ các nguồn lực khan hiếm cho các mục đích sử dụng có tính cạnh tranh, nhằm tối ưu hóa lợi ích của mình.
- ∞ **Kinh tế học là một khoa học về sự lựa chọn.**
- ∞ **Kinh tế học là khoa học về thị trường.**
- ∞ **Kinh tế học là một cách tư duy về thế giới.**

Một số câu hỏi cơ bản của nền kinh tế

- ☞ Sản xuất **cái gì?**
- ☞ Sản xuất **bao nhiêu?**
- ☞ Sản xuất **như thế nào?**
- ☞ Sản xuất **cho ai?**

Các hệ thống kinh tế trả lời các câu hỏi cơ bản như thế nào?

∞ Kinh tế kế hoạch
(tập trung)

∞ Kinh tế thị trường
(phi tập trung)

∞ Kinh tế hỗn hợp

∞ Kinh tế thị trường [định hướng]
XHCH

∞ Sản xuất cái gì?

∞ Sản xuất bao nhiêu?

∞ Sản xuất như thế nào?

∞ Sản xuất cho ai?

Phân biệt kinh tế học vi mô và vĩ mô

☞ **Tiêu thức phân biệt:** Đơn vị phân tích

☞ **Kinh tế học vĩ mô (macroeconomics):** Nghiên cứu toàn bộ nền kinh tế: sản lượng, tăng trưởng, lạm phát, thất nghiệp...

☞ **Kinh tế học vi mô (microeconomics):**

- Đơn vị phân tích là cá nhân (người tiêu dùng, người lao động, nhà đầu tư v.v.), doanh nghiệp, nhà nước (trung ương và địa phương)
- Nghiên cứu cách thức các đơn vị kinh tế tương tác với nhau để hình thành các thực thể kinh tế lớn hơn (thị trường, ngành công nghiệp v.v.).

☞ **Mối quan hệ** giữa KTH vi mô và vĩ mô

Phân biệt kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc

☞ **Kinh tế học thực chứng (positive economics):** “What is?”

- Sử dụng lý thuyết kinh tế, với sự hỗ trợ của các mô hình (định tính, định lượng) để mô tả, lý giải, và dự báo các vấn đề kinh tế đã, đang, và sẽ xảy ra trên thực tế - vốn là kết quả của sự lựa chọn và tương tác của các tác nhân kinh tế.

☞ **Kinh tế học chuẩn tắc (normative economics):** “What should be?”

- Liên quan tới các giá trị đạo đức, xã hội, văn hóa
- Thường mang tính chủ quan của người phát biểu
- Là nguồn gốc bất đồng quan điểm giữa các nhà kinh tế học

Lý thuyết và Mô hình kinh tế



- ☞ **Lý thuyết** được sử dụng để giải thích một hiện tượng quan sát được trên thực tế, hoặc để dự báo về những sự kiện sẽ xảy ra.
- ☞ Lý thuyết được xây dựng trên cơ sở các giả định ban đầu, các quy luật kinh tế, và các thao tác logic.
- ☞ **Ví dụ:**
 - ☞ Lý thuyết về hành vi người tiêu dùng
 - ☞ Lý thuyết về công ty
 - ☞ Lý thuyết trò chơi

Lý thuyết và Mô hình kinh tế



☞ Mô hình:

- ☞ Là hình thức biểu hiện của lý thuyết kinh tế dưới dạng ngôn ngữ có tính cấu trúc.
- ☞ Mô hình chỉ là công cụ và phương tiện để nghiên cứu các vấn đề kinh tế
 - ☞ Ví dụ: Bản đồ, sa bàn ...
- ☞ Vai trò của giả định trong mô hình

Lý thuyết và Mô hình kinh tế



☞ Minh xác cho một lý thuyết

- ☞ Sự minh xác của một lý thuyết được quyết định bởi chất lượng các dự đoán và giải thích của nó.
- ☞ Chỉ phủ định các giả định ban đầu để phủ định một lý thuyết là chưa đủ, mà còn phải chứng minh được các dự đoán của lý thuyết về cơ bản là sai, hay chứng minh sự bất lực của nó trước một số hiện tượng quan sát được.
- ☞ Việc phủ định một lý thuyết không nhất thiết dẫn tới từ bỏ nó hoàn toàn, mà có thể chỉ là giới hạn lại phạm vi áp dụng.

Kinh tế học và Chính sách công



- ☞ **Chính sách công** là hành động (hay không hành động) của nhà nước đối với các vấn đề của quốc gia hay vùng lãnh thổ
- ☞ **Vấn đề/trục trặc chính sách công** xuất hiện khi xã hội không chấp nhận hiện trạng bất cập của một chính sách nào đó, do vậy cần sự can thiệp (hay từ bỏ sự can thiệp) của nhà nước.
- ☞ **Bài toán cơ bản của chính sách công:** Làm thế nào để tối ưu hóa các quyết định, đạt được các mục tiêu đã đề ra trong điều kiện khan hiếm các nguồn lực về thông tin, con người, và tài chính và ràng buộc về thể chế.

Đặc trưng của kinh tế học dành cho chính sách công



- ☞ Mặc dù KTH của khu vực tư và công có các **nguyên tắc tương tự nhau**, nhưng **vấn đề, mục tiêu và phạm vi phân tích** có thể khác nhau.
- ☞ **Vấn đề** liên quan đến phúc lợi công cộng.
- ☞ Không chỉ có **mục tiêu** tối đa hoá lợi nhuận, khu vực công còn phải quan tâm tới tính công bằng, việc làm, bảo vệ môi trường, chất lượng sống v.v.
- ☞ **Phạm vi phân tích** của khu vực công không chỉ là các đơn vị ra quyết định, mà còn là công chúng.
- ☞ Những sự phân biệt trên đây chỉ có tính tương đối.

Kinh tế học và Chính sách công

Quá trình phân tích chính sách



1. Định nghĩa và phân tích vấn đề
2. Xác định mục tiêu của chính sách
3. Xây dựng các lựa chọn chính sách
4. Hình thành các chỉ tiêu đánh giá
5. Đánh giá các lựa chọn chính sách
6. Kết luận và kiến nghị

Con đường phía trước ...

☞ Ba khu vực của nền kinh tế

- Khu vực tiêu dùng
- Khu vực sản xuất
- Khu vực nhà nước

☞ Hai thị trường

- Thị trường nhân tố đầu vào
- Thị trường sản phẩm

☞ Vai trò (thất bại) của thị trường



Sự tham gia của khu vực công vào hệ thống thị trường



☞ Sửa chữa thất bại của thị trường

☞ Độc quyền (monopoly/market power)

☞ Thông tin bất cân xứng (asymmetric information)

☞ Ngoại tác (externalities)

☞ Hàng hóa công (public goods)

☞ Để đạt được một số mục tiêu của nhà nước

☞ Công bằng

☞ Phát triển bền vững và bảo vệ môi trường

☞ Các mục tiêu kinh tế vĩ mô